

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2022
V/v: Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hán Hường

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Trò
2. Bà PhA Thị Ánh Duyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về trAh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 8, xóm T, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ (*Có mặt*).

Bị đơn: Anh Hà Văn A, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 8, xóm T, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(*Vắng mặt lần hai không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và Anh Hà Văn A kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 19/11/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khu T, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn tới vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh A để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Hà Thị Hồng N, sinh ngày 21/6/2006 và Hà Văn T, sinh ngày 06/12/2008. Quá trình giải quyết vụ án, chị S xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Thị Hồng N và để Anh Hà Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Văn T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, chị S có quan điểm trình bày: Do hiện nay chị đang đi làm thuê, không thuận lợi cho việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, nên chị đồng ý để cả 02 con chung là Hà Thị Hồng N và Hà Văn T, cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng và chị không đề nghị giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 6 năm 2022, bị đơn là Anh Hà Văn A trình bày:

- *Về qua hệ hôn nhân*: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Nguyễn Thị S trình bày là đúng. Nay Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị S xin ly hôn thì Anh cũng nhất trí.

- *Về con chung*: Anh xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Hà Thị Hồng N, sinh ngày 21/6/2006 và Hà Văn T, sinh ngày 06/12/2008. Anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Anh A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu qua điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy bA thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn Anh Hà Văn A.

Về con chung: Giao cho Anh Hà Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Hà Thị Hồng N, sinh ngày 21/6/2006 và Hà Văn T, sinh ngày 06/12/2008, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được. Chị Nguyễn Thị S không phải cấp dưỡng nuôi

con chung do Anh Hà Văn A không yêu cầu. Nhưng chị S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Do chị S và Anh A đều không đề nghị xem xét nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã có quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Tuy nhiên, Anh A không đến Tòa án để vợ chồng hòa giải và thỏa thuận và Anh A có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thể tổ chức hòa giải thành được mà phải đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án.*

2.1. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S xin được ly hôn Anh Hà Văn A thấy rằng:* Chị Nguyễn Thị S và Anh Hà Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 19/11/2010 là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xã Đ và kết quả thu thập các tài liệu chứng cứ thấy rằng: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị S và Anh A đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và Anh A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả chị S và Anh A đều có quan điểm nhất trí ly hôn nhưng Anh A vắng mặt, nên không thể tổ chức hòa giải để công nhận thuận tình ly hôn được, nên phải đưa vụ án ra xét xử.

2.2. *Về con chung:* Chị S và Anh A có 02 con chung là Hà Thị Hồng N, sinh ngày 21/6/2006 và Hà Văn T, sinh ngày 06/12/2008. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng với Anh A.

Trong khi đó, nguyện vọng của cả hai Anh chị là thống nhất để cả hai con chung trực tiếp ở với Anh A, cũng phù hợp với nguyện vọng của cả hai con chung nên cần giao 02 con chung cho Anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị S, Anh A đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị S và Anh A đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn Anh Hà Văn A.

2. *Về con chung:* Giao cho Anh Hà Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Hà Thị Hồng N, sinh ngày 21/6/2006 và Hà Văn T, sinh ngày 06/12/2008, kể từ khi ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được. Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Anh A không yêu cầu, nhưng chị S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị S đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007818 ngày 29/3/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Chị S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Đ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng

